

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày 25/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quyết Tiến, bà Đào Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 29/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HS ngày 05/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Giàng Chúng D, sinh năm 1985, tại huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Phái S (đã chết năm 2008) và bà Lầu Thị M (đã chết năm 2011); có vợ là Ly Thị M1, sinh năm 1984; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2024, có mặt.

2. Họ và tên: Giàng Mí L, sinh năm 1983, tại huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn G, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 98/QĐ-UBKT ngày 26/7/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Y; con ông Giàng Vàng L1, sinh năm 1955 và bà Sùng Thị D1, sinh năm 1956; có vợ là Cử Thị L2, sinh năm 1984; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2024, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Giàng Chúng D: ông Hoàng Ngọc C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh H, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Giàng Mí L: bà Nguyễn Thị L3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh H, có mặt.

- Bị hại: Giàng Chúa V, sinh năm 1989 (đang chấp hành án tại Trại giam Y1, Cục C4, Bộ C5 tại xã H, huyện P, tỉnh Sơn La), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Thảo Thị V1, sinh năm 1998, trú tại thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang, vắng mặt không có lý do.

+ Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: ông Giàng Cồ S1, sinh năm 1962, trú tại tổ E, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian khoảng tháng 5 năm 2015, Thò Chứ L4, sinh năm 1991 tìm được 02 công dân là Giàng Thị S2 và Ly Thị M2 (*cùng trú tại xã D, huyện Y, Hà Giang*) giao cho Giàng Chúa V để V đưa đi Trung Quốc lao động làm thuê, L4 được V trả cho 500.000 đồng tiền công. Đối với Giàng Chúa V ngoài hai người nhận từ Thò C, V còn tìm và đưa 03 người nữa là Vừ Mí C2, Hàu Mí T và Vừ Mí T1, đều trú tại xã D, huyện Y tỉnh Hà Giang đi lên biên giới Việt Nam - Trung Quốc địa phận xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang để vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê cho ông V2 (*người Trung Quốc*) để được hưởng tiền công tìm người.

Sau một thời gian làm thuê bên Trung Quốc thì Ly Thị M2 trở về, không thấy Giàng Thị S2 về nên Giàng Chúng D (*anh trai của Giàng Thị S2*) nhờ Giàng Sĩa C, Giàng Chứ H (*là bác họ của Giàng Chúng D*) đến nhà Thò Chứ L4 để yêu cầu Thò C đưa Giàng Thị S2 quay về, nếu Thò Chứ Ly không tìm đưa được Giàng Thị S2 về cho gia đình thì sẽ báo cáo Công an giải quyết. Tại nhà Thò Chứ L4, L4 cho biết L4 chỉ tìm và đưa Giàng Thị S2 đến chợ xã D, Y, Hà Giang để giao cho Giàng Chúa V đưa đi Trung Quốc làm thuê, nếu yêu cầu đưa Giàng Thị S2 về thì gặp Giàng Chúa V nhưng Giàng Chúng D, Giàng Sĩa C3, Giàng Chứ H không đồng ý và yêu cầu Thò Chứ L4 phải có trách nhiệm đưa D, C3, H đến nhà V để nói chuyện.

Khoảng 03 đến 04 ngày sau, Giàng Chúng D đến nhà Giàng Sĩa C, Giàng Chứ H nói chuyện, cho rằng V đã bán Giàng Thị S2 cho người Trung Quốc nên Giàng Thị S2 không về được, nhờ Giàng Sĩa C và Giàng Chứ H cùng đến nhà Giàng Chúa V để yêu cầu Giàng Chúa V tìm Giàng Thị S2 đưa về cho gia đình, nếu Giàng Chúa V không tìm được Giàng Thị S2 về thì yêu cầu Giàng Chúa V phải trả tiền, nếu không đòi được tiền thì lấy xe mô tô của Giàng Chúa V (*do Giàng Chúng D biết V mới mua xe mô tô*). Sau khi nghe Giàng Chúng D nói, Giàng Chứ H không đồng ý đi. Do Giàng Chúng D và Giàng Sĩa C không có phương tiện đi, nên Giàng Sĩa C3 bảo Giàng Chúng D đến nhà Giàng Mí L và bảo Giàng Mí L đến nhà Giàng Sĩa C3.

Tại nhà Giàng Sĩa C3, Giàng Chúng D và Giàng Sĩa C nói cho Giàng Mí L biết nội dung đến nhà Giàng Chúa V nói chuyện, yêu cầu Giàng Chúa V phải tìm Giàng Thị S2 về cho gia đình, nếu Giàng Chúa V không tìm được S2 về thì đòi tiền, nếu không đòi được tiền thì lấy xe mô tô của Giàng Chúa V. Giàng Chúng D bảo Giàng Mí L sử dụng xe mô tô của Giàng Mí L chở Giàng Chúng D, C đến nhà Giàng Chúa V để nói chuyện, Giàng Mí L nói cần phải gọi thêm Giàng Mí

L5 đi cùng để cho đông người và có thêm phương tiện. Sau đó Giàng Chúng D đến nhà Giàng Mí L5 nhờ Giàng Mí L5 cùng đi đến nhà V để đòi nợ, đồng thời có thêm phương tiện để đi, nhưng Giàng Mí L5 không đồng ý đi. Sau đó Giàng Mí L sử dụng xe mô tô của mình chở Giàng Sĩa C và Giàng Chúng D đi đến nhà Giàng Chúa V.

Tại nhà Giàng Chúa V, trong lúc ăn cơm, uống rượu Giàng Chúng D, Giàng Sĩa C, Giàng Mí L hỏi Giàng Chúa V đưa Giàng Thị S2 đi Trung Quốc làm thuê cùng Ly Thị M2 như thế nào, sao Ly Thị M2 đã về, còn Giàng Thị S2 không thấy về. Giàng Chúa V nói V đã đưa Giàng Thị S2 đi Trung Quốc làm thuê. Giàng Chúng D, Giàng Mí L, Giàng Sĩa C yêu cầu V gọi điện thoại cho ông chủ Trung Quốc để đưa S2 về, V đồng ý rồi gọi điện thoại liên lạc với chủ thuê lao động người Trung Quốc, đề nghị cho Giàng Thị S2 về nhưng chủ thuê lao động người Trung Quốc trả lời không biết Giàng Thị S2 là ai, ở đâu rồi tắt điện thoại. Giàng Chúa V gọi điện thoại cho chủ thuê lao động người Trung Quốc 02 cuộc nữa (*theo yêu cầu của D, L, C*) nhưng không liên lạc được. Sau đó tất cả cùng nói chuyện thì Giàng Mí L5 đến và ngồi nghe Giàng Chúng D, Giàng Sĩa C, Giàng Mí L nói chuyện với Giàng Chúa V nhưng không thống nhất được nên Giàng Chúa V đã gọi điện thoại cho Thò Chứ L4 (*là người đã rủ Giàng Thị S2, giao cho Giàng Chúa V đưa đi Trung Quốc làm thuê*) đến nhà Giàng Chúa V để chứng kiến việc người nhà của Giàng Thị S2 đến yêu cầu Giàng Chúa V đưa Giàng Thị S2 về, Thò Chứ L4 đồng ý. Do không liên lạc điện thoại được với chủ thuê lao động người Trung Quốc, Giàng Chúa V nói sẽ đưa Giàng Chúng D đi Trung Quốc tìm Giàng Thị S2 nhưng Giàng Chúng D không đồng ý. Giàng Chúng D cho rằng Giàng Chúa V đã bán Giàng Thị S2 cho người Trung Quốc yêu cầu Giàng Chúa V phải trả tiền đã bán Giàng Thị S2 cho gia đình là 20.000.000 đồng. Giàng Chúa V nói không được bán S2, không đồng ý trả số tiền trên. Lúc này Giàng Mí L, Giàng Sĩa C cùng nói nếu Giàng Chúa V không đồng ý trả số tiền trên thì báo cáo Công an để giải quyết, nếu đồng ý trả tiền trên thì sẽ không báo cáo Công an, Giàng Chúa V cũng không đồng ý.

Do không thống nhất được, Giàng Chúng D nói yêu cầu Giàng Chúa V đưa 10.000.000 đồng, Giàng Chúa V cũng không đồng ý với lý do Giàng Chúa V không được bán Giàng Thị S2. Giàng Chúng D, Giàng Mí L nói nếu không đồng ý thì báo cáo Công an. Sau đó Giàng Chúa V nói đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng, nhưng hiện tại V không có tiền, chờ V đi làm thuê có tiền sẽ trả sau. Giàng Chúng D, Giàng Mí L không đồng ý, yêu cầu Giàng Chúa V phải đưa tiền ngay, nếu không có tiền mặt thì giao chiếc xe mô tô của Giàng Chúa V mới mua cho Giàng Chúng D mang về, khi nào Giàng Chúa V tìm được Giàng Thị S2 về thì sẽ trả lại chiếc xe mô tô cho V, nếu không tìm được S2 về thì chiếc xe mô tô đó thuộc quyền sở hữu của Giàng Chúng D. Giàng Chúa V không đồng ý giao xe mô tô và chìa khóa xe cho Giàng Chúng D, hai bên không đi đến thống nhất nên Giàng Mí L5 bỏ về trước. Giàng Chúng D nói không giao chìa khóa xe mô tô cũng lấy xe mô tô về xem Giàng Chúa V làm gì được, Giàng Chúa V nói không giao chìa khóa xe, các anh giỏi thì dắt xe đi thì Giàng Chúng D, Giàng Sĩa C, Giàng Mí L đến chỗ để xe mô tô của Giàng Chúa V cách nhà ở của Giàng Chúa V khoảng 10 mét, Giàng Mí L trực tiếp dắt chiếc xe mô tô (*nhãn hiệu LIFAN,*

màu đen phần mặt nạ màu vàng, có dán tem chữ YAMAHA - SiRiUS do Trung Quốc sản xuất, đại lý bán xe đang làm đăng ký nên xe chưa có biển kiểm soát) đến chỗ để xe mô tô của L cách đó khoảng 05 mét, mở cốp xe của mình lấy dây (loại dây cao su dùng để buộc hàng) buộc 01 đầu dây vào đầu xe mô tô của Giàng Chúa V, 01 đầu dây vào đuôi xe của Giàng Mí L để kéo xe mô tô của Giàng Chúa V mang về. Thấy Giàng Chúng D, Giàng Sĩa C, Giàng Mí L quyết tâm lấy xe mô tô, Giàng Chúa V nhặt 01 hòn đá định ném Giàng Mí L thì Thò Chứ L4 can ngăn không cho Giàng Chúa V ném, sau đó Thò Chứ L4 lấy xe mô tô của mình đi về nhà. Sau khi Giàng Mí L buộc xe xong Giàng Mí L điều khiển xe mô tô của mình chở Giàng Chúng D kéo theo chiếc xe mô tô của Giàng Chúa V do Giàng Sĩa C ngồi lên xe điều khiển xe mô tô đến một quán sửa xe mô tô tại chợ xã D, Y, Hà Giang (không biết họ tên, địa chỉ, hiện giờ quán sửa xe đó không hoạt động nữa), Giàng Mí L nhờ thợ sửa xe giúp đấu nối điện để xe nổ máy được. Sau khi nổ được máy, Giàng Sĩa C điều khiển xe mô tô của Giàng Chúa V, Giàng Mí L chở Giàng Chúng D cùng nhau đi đến nhà Giàng Mí L để xe mô tô của Giàng Chúa V và tại sân nhà Giàng Mí L (thôn G, xã D, Y, Hà Giang) rồi Giàng Chúng D đi về nhà, sau đó xe của Giàng Chúa V đem lên để tại nhà Giàng Sĩa C.

Khoảng 01 tuần sau, do sợ xe của mình bị phá khóa nên Giàng Chúa V một mình mang chìa khóa xe mô tô của mình đến nhà Giàng Mí L nhờ đưa cho Giàng Mí L. Sau một thời gian Giàng Chúng D, Giàng Mí L, Giàng Sĩa C lấy xe mô tô của Giàng Chúa V đi thì Giàng Chúa V mới nhận được Giấy đăng ký xe mô tô và biển kiểm soát do cửa hàng bán xe mô tô gửi đến cho Giàng Chúa V (sau khi mua xe Giàng Chúa V nhờ cửa hàng bán xe giúp làm thủ tục đăng ký xe), nhưng Giàng Chúa V để thất lạc mất.

Một thời gian sau (không xác định được khoảng thời gian cụ thể), không thấy Giàng Thị S2 về, Giàng Chúng D bảo Giàng Mí L nhà ở gần xã nếu biết ai muốn mua xe thì bán. Khoảng năm 2016 (không nhớ ngày, tháng) Nguyễn Văn D2 đi thu tiền lãi xuất nguồn vốn của hội Nông dân, đã đến nhà Giàng Mí L, qua nói chuyện L cho biết có một chiếc xe mô tô còn mới định bán và Nguyễn Văn D2 có mua không, anh D2 hỏi Lùng xe ở đâu, L cho biết hiện tại xe đang để tại nhà Giàng Sĩa C rồi Lùng đưa anh D2 đến nhà Giàng Sĩa C xem xe mô tô và nói cho anh D2 biết xe mô tô không có giấy tờ nên muốn bán giá 07 đến 08 triệu đồng, anh D2 cũng không hỏi thêm về nguồn gốc xe mô tô. Sau khi xem xe mô tô biết được hãng xe LIFAN, màu vàng, phần nhựa được dán tem YAMAHA-Sirius, do xe mô tô không có giấy tờ nên Nguyễn Văn D2 thỏa thuận nếu Giàng Mí L bán với giá 6.000.000 đồng thì D2 mua về để sử dụng đi lại quanh thôn. Sau đó Giàng Mí L đồng ý bán chiếc xe mô tô của Giàng C1 và cho anh Nguyễn Văn D2, với giá 6.000.000 đồng mà không thông báo cho Giàng Chúa V biết.

Khoảng một tuần sau khi bán xe của Giàng Chúa V, Giàng Mí L gọi Giàng Chúng D đến nhà L nhận 6.000.000 đồng là tiền bán xe mô tô của Giàng Chúa V. Khi nhận tiền xong Giàng Chúng D cảm ơn và đưa cho Giàng Mí L, Giàng Sĩa C, Giàng Chứ H, Giàng Mí L5 mỗi người 200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh H đã thu thập tài liệu chứng cứ, có đủ căn cứ xác định nguồn gốc chiếc xe mô tô của Giàng Chúa V mà Giàng Chúng D, Giàng Mí L, Giàng Sĩa C đã chiếm đoạt là xe mô tô nhãn hiệu LIFAN,

màu vàng, đen phần nhựa được dán tem YAMAHA-Sirius, được đăng ký biển kiểm soát 23AA-010.40, dung tích 49cm³, do Giàng Chúa V mua ngày 14/9/2016, tại cửa hàng X, có địa chỉ tại tổ D, thị trấn M, M, Hà Giang, với giá 10.100.000 đồng. Sau khi anh Nguyễn Văn D2 mua xe mô tô do Giàng Mí L bán, anh D2 sử dụng đến nay đã được khoảng 08 năm, do quá trình sử dụng lâu nên phần nhựa và bộ xe mô tô bị hỏng, anh D2 đã thay phần nhựa và bộ xe, nên xe không còn nguyên vẹn màu vàng, đen, nay chỉ còn mặt nạ xe là nguyên bản màu vàng theo xe từ khi anh Nguyễn Văn D2 mua của Giàng Mí L.

Cáo trạng số 31/CT-VKS-P1 ngày 28/10/2024, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L đã xác nhận toàn bộ nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố đối với các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng và không bổ sung gì thêm.

Bị hại Giàng Chúa V xác nhận nội dung bản cáo trạng, lời khai của các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L tại phiên tòa là đúng. Đồng thời, xác nhận chiếc xe đã bị các bị cáo chiếm đoạt chính là xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, màu vàng, đen phần nhựa được dán tem YAMAHA-Sirius, được đăng ký biển kiểm soát 23AA-010.40, dung tích 49cm³, do Giàng Chúa V mua ngày 14/9/2016, tại cửa hàng X có địa chỉ tại tổ D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, với giá 10.100.000 đồng. Tại phiên tòa, về hình phạt: bị hại đề nghị xem xét, xử lý đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự: bị hại không nhất trí nhận lại xe mà yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền đã bỏ ra để mua xe là 10.100.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D2 xác nhận vào khoảng năm 2016 anh có mua của anh Giàng Mí L xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, màu vàng, đen phần nhựa được dán tem YAMAHA-Sirius (khi mua không có biển kiểm soát, không giấy tờ) với giá là 6.000.000 đồng, không biết nguồn gốc của xe. Sau khi vụ việc được cơ quan chức năng giải quyết anh D2 mới biết chiếc xe này là của anh V có biển kiểm soát 23AA-010.40. Tại phiên tòa, anh D2 đề nghị được nhận lại chiếc xe này để quản lý, sử dụng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Về phía các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L nhất trí với lời khai của bị hại Giàng Chúa V, người có liên quan Nguyễn Văn D2, đối với yêu cầu về dân sự của bị hại Và các bị cáo có ý kiến: nhất trí bồi thường số tiền là 10.100.000 đồng cho bị hại Và; trong quá trình chuẩn bị xét xử các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại V với số tiền là 10.100.0000 đồng (mỗi bị cáo 5.050.000 đồng) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang theo biên lai thu tiền số 000258 và biên lai thu tiền số 000259 ngày 18/11/2024.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, hậu quả của tội phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L về tội "Cuồng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Chúng D từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 22/7/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Mí L từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Hình phạt bổ sung: do các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị trả lại 01 xe mô nhên hiệu LIFAN, không có biển số xe, xe sơn màu đen, phần mặt nạ màu vàng, có dán tem chữ YAMAHA ở phần yếm bên phải, dán tem chữ SIRIUS ở phần yếm bên trái, dán tem chữ SIRIUS màu xám ở phần đuôi xe, xe không có gương chiếu hậu bên phải, không có vỏ hộp xích, không có bộ phận xích sau, số khung RL8DCB6UME1011374, số máy RL8139FMBL1SE011374, dung tích 49,5cm³, xe đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe cho anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

4. Về dân sự: đề nghị HĐXX xác nhận các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L đã bồi thường xong cho bị hại Giàng Chúa V số tiền là 10.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000258 và biên lai thu tiền số 000259 ngày 18/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Cục thi hành án dân sự có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị hại Giàng Chúa V số tiền là 10.100.000 đồng.

5. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn các khoản tiền án phí cho các bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Giàng Chúng D trình bày: nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo D 12 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Giàng Mí L trình bày: nhất trí với ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát và không bổ sung gì thêm.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất, để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở về tái hoà nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo nên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thào Thị V1 không có lý do. Tuy nhiên, chỉ V1 đã có lời khai trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Do đó, HĐXX thảo luận và quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định: khoảng tháng 5/2015, Giàng Chúa V đưa Giàng Thị S2, Ly Thị M2 và 03 người khác ở huyện Y tỉnh Hà Giang vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê cho ông V2 (*Người Trung Quốc*) để được hưởng tiền công tìm người. Đến khoảng tháng 9/2016, không thấy Giàng Thị S2 về Việt Nam, Giàng Chúng D (*anh trai của Giàng Thị S2*) đã nhờ Giàng Mí L cùng một số người anh em khác (tất cả 05 người) đến nhà Giàng Chúa V để hỏi về việc không thấy em gái mình về, cho rằng Giàng Chúa V đã bán Giàng Thị S2 nên Giàng Chúng D yêu cầu Giàng Chúa V phải trả cho gia đình một khoản tiền là 10.000.000 đồng nếu không trả tiền thì báo Công an để giải quyết còn nếu đồng ý trả tiền thì không báo Công an. Giàng Chúa V đồng ý trả tiền nhưng do chưa có tiền nên V nói với Giàng Chúng D để V đi làm thuê có tiền về sẽ trả nhưng Giàng Chúng D, Giàng Mí L không đồng ý mà yêu cầu Giàng Chúa V phải đưa tiền ngay và đưa ra điều kiện, nếu không có tiền mặt thì giao chiếc xe mô tô của Giàng Chúa V mới mua cho Giàng Chúng D mang về, khi nào Giàng Chúa V tìm được Giàng Thị S2 về thì sẽ trả lại chiếc xe mô tô cho V, còn nếu không tìm được S2 về thì chiếc xe mô tô đó thuộc quyền sở hữu của Giàng Chúng D. Giàng Chúa V không đồng ý giao xe mô tô và chìa khóa xe cho Giàng Chúng D nhưng Giàng Chúng D, Giàng Sĩa C, Giàng Mí L vẫn đến chỗ để xe mô tô của Giàng Chúa V lấy xe mô tô của V về để ở nhà Giàng Sĩa C. Sau một thời gian chưa thấy Giàng Thị S2 về, Giàng Chúng D bảo Giàng Mí L biết ai có nhu cầu mua xe thì bán chiếc xe mô tô của Giàng Chúa V đi nên khi gặp được người mua xe Giàng Mí L đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, màu đen phần mặt nạ màu vàng, có dán tem chữ YAMAHA - SiRiUSR xe chưa có biển kiểm soát của Giàng Chúa V cho anh Nguyễn Văn D2 với giá 6.000.000 đồng. Sau khi bán được xe Giàng Mí L gọi Giàng Chúng D đến để đưa tiền, sau khi nhận tiền Đình cảm ơn và đưa cho Giàng Mí L, Giàng Sĩa C, Giàng Chử H, Giàng Mí L5 mỗi người 200.000 đồng. Kết quả điều tra xác định chiếc xe mô tô mà D, L chiếm đoạt của bị hại V là xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, màu vàng, đen phần nhựa được dán tem YAMAHA-Sirius, được đăng ký biển kiểm soát 23AA-010.40, dung tích 49cm³, do Giàng Chúa V mua ngày 14/9/2016, tại cửa hàng X có địa chỉ tại tổ D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, với giá 10.100.000 đồng.

[4] Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L như đã nêu trên đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; bị cáo D không đi học, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo L trong quá trình sinh sống đã có thành tích và được cấp có thẩm quyền tặng nhiều giấy khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, cũng như nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[8] Đối với bị cáo D là người khởi xướng và thực thi đặc lực hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt đủ nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[9] Đối với bị cáo L là người khi được bị cáo D nhờ đến nhà bị hại để nói chuyện có liên quan đến việc chị S2 bị V đưa sang Trung Quốc đã tham gia đặc lực trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt và bán tài sản của bị hại. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; bản thân bị cáo đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất là tạm giam trong thời gian dài, nên HĐXX xét thấy không cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo với thời hạn thử thách thích hợp cũng có tác dụng giáo dục, răn đe đối với người phạm tội.

[10] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

[11] Về áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn:

[12] Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam đối với bị cáo Giàng Chúng D để bảo đảm thi hành án.

[13] Áp dụng Điều 125, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo Giàng Mí L ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[14] Về vật chứng vụ án: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự. Trả lại 01 xe mô nhĩn hiệu LIFAN, không có biển số xe, xe sơn màu đen, phần mặt nạ màu vàng, có dán tem chữ YAMAHA ở phần yếm bên phải, dán tem chữ SIRIUS ở phần yếm bên trái, dán tem chữ SIRIUS màu xám ở phần đuôi xe, xe không có gương chiếu hậu bên phải, không có vỏ hộp xích, không có bộ phận xích sau, xe đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe cho anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

[15] Về trách nhiệm dân sự: xác nhận bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mĩ L đã bồi thường xong cho bị hại Giàng Chúa V số tiền là 10.100.000 đồng. theo biên lai thu tiền số 000258 và biên lai thu tiền số 000259 ngày 18/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang có trách nhiệm làm thủ tục hoàn trả cho bị hại Giàng Chúa V số tiền là 10.100.000 đồng.

[16] Đối với Nguyễn Văn D2 là người được Giàng Mĩ L giới thiệu và trực tiếp bán chiếc xe mô tô của Giàng Chúa V cho Nguyễn Văn D2. Quá trình mua, bán xe Nguyễn Văn D2 được Giàng Mĩ L cho biết xe mô tô đó không có giấy tờ theo quy định của pháp luật và không hỏi về nguồn gốc của chiếc xe mô tô, không biết xe mô tô đó là do Giàng Chúng D, Giàng Mĩ L, Giàng Sĩa C đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để có được. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn D2 là có căn cứ.

[17] Đối với Giàng Mĩ L5 là người khi được Giàng chúng D đến nhờ đi cùng đến nhà Giàng Chúa V, nhưng Giàng Mĩ L5 không nắm được nội dung sự việc, chỉ được Giàng Chúng D nhờ chở người đến nhà Giàng Chúa V nhưng Giàng Mĩ L5 không đi. Tuy nhiên, sau đó Giàng Mĩ L5 một mình đi đến nhà Giàng Chúa V nhưng khi Giàng Chúng D, Giàng Mĩ L, Giàng Sĩa C, yêu cầu Giàng Chúa V đưa tiền và đòi lấy xe mô tô của Giàng Chúa V thì Giàng Mĩ L5 đã bỏ về trước, Giàng Mĩ L5 không tham gia, không biết sự việc Giàng Chúng D, Giàng Mĩ L, Giàng Sĩa C chiếm đoạt xe mô tô của Giàng Chúa V. Do vậy Cơ quan An ninh điều tra không xem xét trách nhiệm đối với Giàng Mĩ L5 là có căn cứ.

[18] Đối với Giàng Sĩa C là người đã tham gia cùng Giàng Chúng D, Giàng Mĩ L thực hiện hành vi cưỡng đoạt xe mô tô của bị hại Giàng Chúa V, năm 2023 Giàng Sĩa C đã bị bệnh chết. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không xem xét đối với Giàng Sĩa C là có căn cứ.

[19] Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[20] Chấp nhận một phần ý kiến của người bào chữa cho bị cáo D tại phiên tòa.

[21] Chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo L.

[22] Về án phí: các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên miễn các khoản tiền án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[23] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Chúng D 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 22/7/2024.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Mí L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Giàng Mí L cho UBND xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn

3.1. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Giàng Chúng D với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

3.2. Áp dụng Điều 125, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo Giàng Mí L ngay tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo D, L.

5. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại 01 xe mô nhĩn hiệu LIFAN, không có biển số xe, xe sơn màu đen, phần mặt nạ màu vàng, có dán tem chữ YAMAHA ở phần yếm bên phải, dán tem chữ SIRIUS ở phần yếm bên trái, dán tem chữ SIRIUS màu xám ở phần đuôi xe, xe không có gương chiếu hậu bên phải, không có vỏ hộp xích, không có bộ phận xích sau, số khung RL8DCB6UME1011374, số máy RL8139FMBL1SE011374, dung tích 49,5cm³, xe đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe cho anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

(Tình trạng vật chứng như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2024 giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

6. Về dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Xác nhận bị cáo Giàng Chúng D, Giàng Mí L đã bồi thường xong cho bị hại Giàng Chúa V số tiền là 10.100.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 000258 và biên lai thu tiền số 000259 ngày 18/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang có trách nhiệm làm thủ tục hoàn trả cho bị hại Giàng Chúa V số tiền là 10.100.000 đồng.

7. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn các khoản tiền án phí cho các bị cáo.

8. Quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV06; PC02, PC01 Công an tỉnh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; tổ HCTP; phòng KTNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường

